TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 259/2022/HC-PT
Ngày 05/7/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông Ngô Tự Học.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 292/2021/TLPT-HC ngày 16 tháng 9 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5613/2022/QĐPT ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Phạm Thị Kh, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn Văn B, xã Trác V, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**** Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam;

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Trương Quốc H - Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Anh Ch, - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Luật sư Nguyễn Đình Th - Công ty luật TNHH Hà Nam, Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam; có mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Văn L - Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã Trác V, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1 - Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã Chuyên Ng, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M - Chủ tịch UBND xã Chuyên Ng, thị xã Duy T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Hà Văn L1, sinh năm 1950; vắng mặt.

5. Anh Hà Đức Th1, sinh năm 1984; vắng mặt.

6. Chị Hà Thị Ph, sinh năm 1988; có mặt.

cùng địa chỉ: thôn Văn B, xã Trác V, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam.

7. Chị Hà Thị Ng1, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ Thượng Kh, phường Hương X, thị xã Hương Tr, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1, anh Th1, chị Ph và chị Ng1: Bà Phạm Thị Kh, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn Văn B, xã Trác V, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Năm 1992, hộ gia đình ông Hà Văn L1 (bà Phạm Thị Kh) được giao chia tiêu chuẩn đất ruộng cấy cho 05 khẩu, gồm: ông L1, bà Kh, anh Th1, chị Ph, chị Ng1. Mỗi khẩu được chia 288m^2 ruộng cấy, 205m^2 đất màu và đất ruộng mạ (360m^2 ruộng cấy được 36m^2 dược mạ); tổng diện tích hộ ông L1, bà Kh được giao là 2.609m^2. Do hộ ông L1 nợ đọng sản phẩm nên tại thời điểm giao chia chỉ được nhận 956m^2 đất ở các vị trí trong địa giới hành chính xã Trác V, gồm: 126m^2 đất lúa Đồng Làng, 107m^2 đất lúa Cạnh Long, 86m^2 đất màu Cạnh Chùa và 637m^2 đất lúa Dây 2. Đến năm 2003, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Duy T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số X086510 cho hộ ông Hà Văn L1 với diện tích đất 956m^2.

Đến năm 1995, thực hiện Quyết định số 990/QĐ-UB của UBND tỉnh Nam Hà, UBND xã Trác V giao trả diện tích đất ruộng còn thiếu cho hộ ông L1, bà Kh 1.653m^2 đất; ngoài ra, Hợp tác xã nông nghiệp Trác V còn giao thêm 147m^2 đất đều ở vị trí đất xâm canh thuộc địa chính xã Chuyên Ng, tại thửa số 26, tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính xã Chuyên Ng lập năm 2003); tổng diện tích 1800m^2 đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ ông L1, bà Kh là 2.756m^2; ngoài ra, hộ ông L1 còn được giao đất % cho 06 khẩu (trong đó có cả tiêu chuẩn của mẹ ông L1 đã chết năm 1982), tổng 6 khẩu x 80m^2/khẩu = 480m^2. Khi dồn đổi ruộng đất, diện tích đất % đã được cân đối giao vào đất thổ

canh nằm trong thửa đất ở trong khu dân cư, còn thiếu mới bổ sung ngoài đồng. Hộ ông L1 được giao đủ 480m^2 diện tích đất % vào diện tích đất thổ canh thuộc thửa số 128, tờ bản đồ PL6, tại thôn Văn B, xã Trác V.

Từ năm 2005 đến năm 2012, thực hiện các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND huyện Duy T, tỉnh Hà Nam đã ban hành các quyết định thu hồi đất của hộ ông L1, bà Kh với tổng diện tích là 2.528m^2 cụ thể: Năm 2005, thu hồi 550m^2 đất để thực hiện dự án xây dựng nhà máy gạch Hamico; năm 2007, thu hồi 335,7m^2 đất để thực hiện dự án xây dựng cây xăng; năm 2008, thu hồi 301,3m^2 đất để thực hiện dự án xây dựng khu công nghiệp Hòa Mạc; năm 2009, thu hồi 91m^2 đất để thực hiện dự án khu đô thị Hòa Mạc; năm 2012, thu hồi 1.250m^2 đất để thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi Vinh Hạnh; tất cả các diện tích đất bị thu hồi hộ gia đình ông L1, bà Kh đã nhận đủ số tiền bồi thường theo quy định.

Năm 2017, hộ bà Kh khiếu nại đến UBND huyện Duy T và đề nghị giải quyết các nội dung sau:

Thứ nhất, gia đình bà Kh được giao 2.758m^2 đất xâm canh tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 1, thuộc xã Chuyên Ng, huyện Duy T. UBND huyện Duy T đã thu hồi 1.800m^2 khi xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi Vinh Hạnh, còn lại 958m^2 chưa thu hồi, UBND xã Trác V cho người khác thuê, nay yêu cầu trả lại cho hộ gia đình bà Kh để gia đình canh tác.

Thứ hai, UBND huyện Duy T thực hiện việc bồi thường không đúng quy định, chưa giao đất 7%, tương đương 87,5m^2 theo thông báo số 40/TB-HĐ ngày 30/01/2013 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Duy T cho gia đình bà Kh.

Ngày 28/11/2018, Chủ tịch UBND huyện Duy T, tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 4115/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Kh với nội dung:

Việc bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất đã thu hồi của hộ ông L1 (bà Kh) để thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi Vinh Hạnh đúng theo Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2012; Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của UBND tỉnh Hà Nam quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND ngày 27/5/2011 về hỗ trợ, chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp. Hộ bà Kh đã nhận đủ số tiền bồi thường hỗ trợ. Đối với diện tích 87,5m^2 đất 7% được tính là khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm khi thu hồi đất (Hộ bà Kh đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng) nên yêu cầu giao đất 7% theo Thông báo số 40/TB-HĐ ngày 30/01/2013 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Duy T là không đúng. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ ổn định đời sống của

UBND huyện Duy T không có khoản hỗ trợ đất sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp; đồng thời, yêu cầu Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Duy T rút kinh nghiệm khi ban hành Thông báo số 40/TB-HĐ ngày 30/01/2013.

Hộ ông L1 (Bà Kh) chỉ được giao 1800m^2 đất nông nghiệp xâm canh tại thửa số 26, tờ bản đồ số 01, thuộc xã Chuyên Ng đã được thu hồi hết. Bà Kh đề nghị trả cho gia đình 958m^2 đất chưa thu hồi khi thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi Vinh Hạnh là không có căn cứ.

Do hộ bà Kh không nhất trí với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Duy T nên ngày 19/01/2019, bà Kh gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam.

Ngày 09/8/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 1536/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Kh với nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 4115/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Duy T, tỉnh Hà Nam và giao UBND huyện Duy T thu hồi Thông báo số 40/TB-UB ngày 30/01/2013 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Duy T, tỉnh Hà Nam.

Do không nhất trí với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai nên bà Phạm Thị Kh đã làm đơn khởi kiện Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam hủy Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND và Chủ tịch UBND thị xã Duy T; UBND xã Trác V; UBND xã Chuyên Ng) đều có chung quan điểm:

Hộ gia đình bà Phạm Thị Kh được giao diện tích đất nông nghiệp ngoài đồng tổng cộng là 2.756m^2 đất. Diện tích đất bị thu hồi để thực hiện các dự án là 2.528m^2 đất. Diện tích đất nông nghiệp còn lại là 228m^2 đất. Nay, bà Kh đề nghị trả lại 958m^2 đất chưa thu hồi là không có căn cứ.

Về đơn giá bồi thường mà các cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện đúng theo Quyết định số 32/2001/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam về giá các loại đất năm 2012 khi thu hồi của hộ bà Kh. Số tiền hỗ trợ 9.500đ/1m^2 đúng theo Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam.

Về tiền hỗ trợ, chuyển đổi nghề nghiệp 80.000đ/1m^2 (đơn giá này được tính bằng 02 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi); hộ bà Kh thuộc trường hợp hỗ trợ bằng tiền không được hỗ trợ bằng đất. Nay, bà Kh đề nghị giao 87,5m^2 đất hỗ trợ 7% theo Thông báo số 40/TB-HĐ ngày 30/01/2013 là không có cơ sở giải quyết.

Sau khi tiến hành thu hồi đất hộ bà Kh đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ, chuyển đổi nghề nghiệp tổng cộng là 161.875.000 đồng. Nay, các đương sự đều

đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (gồm ông L1, anh Th1, chị Ph và chị Ng1) đều nhất trí với quan điểm của người khởi kiện và đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 20/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam quyết định căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 49, khoản 3 Điều 62, Điều 63, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại; Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 26/10/2009; Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 và Quyết số 17/2011/QĐ-UBND ngày 27/5/2011 đều của UBND tỉnh Hà Nam; Điều 30 và Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kh về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam.

2. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2021, người khởi kiện bà Phạm Thị Kh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình bà được giao qua các thời kỳ là 2.860m^2 đất có sơ đồ địa chính đầy đủ. UBND huyện Duy T đã thu hồi đất của gia đình bà trái phép, thu hồi giao cho người khác sử dụng không đúng mục đích và không nói rõ sau khi hết hạn giao đất cho họ thì có giao trả đất đó cho gia đình bà canh tác là không đúng Luật đất đai và ảnh hưởng đến sản xuất, đến nguồn sống của gia đình bà. Qua các lần chỉ thu hồi 1.800m^2, còn lại 956m^2 đất chưa thu hồi vì GCNQSDĐ có diện tích 1.800m^2 cấp cho gia đình bà là giấy do UBND huyện Duy T tự tạo ra; nay bà đề nghị trả lại tiền đền bù đã nhận, đề nghị UBND thị xã Duy T trả lại 1.800m^2 đất đó cho bà và trả 956m^2 đất chưa thu hồi cho gia đình bà. Ngoài ra, nếu không trả lại 1.800m^2 đất đã thu hồi thì phải cấp đất tái định cư như thông báo của Ban giải phóng mặt bằng huyện Duy T.

Người bị kiện vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy tại cấp sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận:

Kháng cáo của bà Phạm Thị Kh là trong thời hạn luật định nên hợp lệ đề nghị chấp nhận để xét.

Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Kh về yêu cầu hủy Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Phạm Thị Kh và các quyết định liên quan, về yêu cầu giao diện tích 87,5m^2 đất hỗ trợ 7% theo Thông báo số 40/TB-HĐ ngày 30/01/2013 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Duy T, tỉnh Hà Nam, thấy: Đối với diện tích 87,5m^2 đất theo Thông báo số 43 này thì gia đình bà Kh đã nhận bằng giá trị là 100 triệu đồng; đây là việc bồi thường hỗ trợ bằng 02 lần giá trị đất tại thời điểm thu hồi là UBND huyện Duy T đã thực hiện đúng quy định của UBND tỉnh Hà Nam.

Đối với nội dung diện tích đất xâm canh 2.756m^2 đã thu hồi 1.800m^2 còn lại 956m^2 thì thấy: gia đình bà Kh đã được cân đối diện tích 480m^2 đất phần trăm vào trong diện tích đất ở và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là đất ở trong khu dân cư; còn lại đã thu hồi 1.800m^2 đã được đền bù đúng quy định. Bà Kh cho rằng gia đình bà còn 956m^2 đất nhưng không có tài liệu nào chứng minh gia đình được giao, cấp diện tích đó nên yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ. Đề nghị bác kháng cáo của bà Kh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, quan điểm của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Phạm Thị Kh trong hạn luật định, phù hợp với quy định nên được chấp nhận để xét.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đối tượng khởi kiện là đề nghị hủy Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Phạm Thị Kh và các quyết định liên quan là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Kh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà Kh không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà về nội dung khiếu nại không giao diện tích 87,5m^2 đất hỗ trợ 7%

theo Thông báo số 40/TB-HĐ ngày 30/01/2013 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Duy T, tỉnh Hà Nam, thấy:

Ngày 29/7/2011, UBND huyện Duy T ban hành Thông báo số 43/TB-UBND về việc thu hồi 33.897m^2 đất tại xã Chuyên Ng, huyện Duy T, tỉnh Hà Nam để giải phóng mặt bằng xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi Vinh Hạnh, trong đó có một phần đất nông nghiệp của gia đình bà Phạm Thị Kh. Ngày 12/6/2012, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Duy T, tiến hành kiểm kê, đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi của hộ gia đình ông L1, bà Kh tại thửa số 26, tờ bản đồ số 01, thuộc xã Chuyên Ng, huyện Duy T với diện tích được giao 1.800m^2 đất (trong đó, năm 2005 đã thu hồi 550m^2 phục vụ dự án Hamico). Nay, tiếp tục thu hồi toàn bộ diện tích còn lại (1.250m^2) đất để phụ vụ dự án xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi Vinh Hạnh.

Căn cứ vào các Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của UBND tỉnh Hà Nam quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 của UBND tỉnh Hà Nam quy định về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2012 và Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND ngày 27/5/2011 của UBND tỉnh Hà Nam về việc sử đổi quy định hình thức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp. Từ đó, ngày 16/10/2012, UBND huyện Duy T ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi 1.250m^2 đất của hộ bà Kh để xây dựng Nhà máy sản xuất đồ chơi Vinh Hạnh. Đồng thời, bồi thường cho hộ bà Kh số tiền 61.875.000 đồng (bà Kh đã nhận đủ số tiền, gồm: tiền bồi thường về đất 40.000đ/m^2 = 50.000.000đ và tiền hỗ trợ ổn định đời sống 9.500đ/m^2 = 11.875.000đ). Riêng khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm cho 25 hộ dân của thôn Văn B, xã Trác V thì các hộ dân đề nghị không nhận đất 7% mà nhận bằng tiền. Vì vậy, ngày 23/11/2012, UBND huyện Duy T ban hành Quyết định số 2461/QĐ-UBND phê duyệt phương án hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi Vinh Hạnh bằng tiền theo hệ số bằng hai lần giá đất nông nghiệp. Hộ ông L1, bà Kh được hỗ trợ 1.250m^2 x 40.000 đồng/m^2 x 2 = 100.000.000 đồng (số tiền này tương ứng với 87,5m^2 đất hỗ trợ 7% trong trường hợp nhận hỗ trợ bằng đất). Tuy nhiên, tại Thông báo số 40/TB-HĐ ngày 30/01/2013 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Duy T gửi cho hộ ông L1 lại chỉ căn cứ vào Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 285/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện Duy T, tỉnh Hà Nam mà không căn cứ vào Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 nên đã thông báo cho hộ ông L1 kế hoạch chi trả tiền bồi thường gồm: 61.875.000 đồng (tiền đất và hỗ trợ đời sống) và diện tích 87,5m^2 đất 7%. Nhưng đến ngày 23/12/2013, hộ ông L1, bà Kh do chính bà Kh ký đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 161.875.000 đồng (gồm: tiền đất 50.000.000 đồng; tiền hỗ trợ đời sống 11.875.000 đồng; tiền hỗ trợ, chuyển

đổi nghề nghiệp và tạo việc làm 100.000.000 đồng). Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng tiền (hai lần giá đất nông nghiệp đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi là 100.000.000 đồng) nên hộ ông L1, bà Kh không được nhận đất 7% là đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND ngày 27/5/2011 của UBND tỉnh Hà Nam.

Do đó bản án sơ thẩm đã quyết định bác nội dung khởi kiện của bà Kh yêu cầu giao diện tích 87,5m^2 đất hỗ trợ 7% là đúng quy định.

[2.2] Về nội dung kháng cáo của bà Kh cho rằng diện tích đất nông nghiệp của gia đình tại vị trí xâm canh thuộc xã Chuyên Ng được giao là 2.758m^2, đã thu hồi 1.800m^2 (phục vụ hai dự án), còn lại 958m^2 phải trả lại cho gia đình bà Kh, thì thấy: Theo hồ sơ địa chính mà UBND xã Trác V cung cấp, hộ bà Kh được giao 3.236m^2 đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn; trong đó có 480m^2 đất % của 06 khẩu đã được cân đối vào thửa đất trong khu dân cư. Đất ruộng cấy của 05 khẩu tổng cộng 2.609m^2, được giao theo đề án của UBND xã Trác V là 2.756m^2 (dư 147m^2), gồm: trong địa giới hành chính xã Trác V 956m^2; đất xâm canh thuộc địa giới xã Chuyên Ng là 1.800m^2 tại thửa số 26, tờ bản đồ số 01, xứ đồng Ao Và. Như vậy, diện tích 1.800m^2 đất xâm canh tại xã Chuyên Ng của hộ bà Kh đã bị thu hồi hết (năm 2005, thu hồi phục vụ dự án nhà máy gạch Hamico với diện tích 550m^2 và năm 2012, thu hồi phục vụ dự án xây dựng Nhà máy sản xuất đồ chơi Vinh Hạnh với diện tích 1.250m^2). Cả hai dự án này hộ bà Kh đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Kh không đưa được căn cứ, chứng minh hộ gia đình bà còn diện tích 958m^2 đất chưa bị thu hồi. Vì vậy tại bản án sơ thẩm cũng đã không chấp nhận nội dung khởi kiện này của bà Kh là có căn cứ.

[3] Bản án sơ thẩm đã xác định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Kh (lần hai) và các quyết định có liên quan của UBND huyện Duy T (nay là thị xã Duy T) đều đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật khiếu nại nên đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kh là có căn cứ, đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Nay không có thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Kh.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận, nhưng bà Phạm Thị Kh sinh năm 1961 nên bà Kh được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị Kh, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Kh được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *VKSND tỉnh Hà Nam;*
- *Cục THADS tỉnh Hà Nam;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đông